

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23-9-2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy An**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Trần Văn Ân**.

2/ Bà **Nguyễn Thị Thơm**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Nguyễn Mộng Cầm** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Tú** – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 298/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Hà Thị Bích T**, sinh năm 1982. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh **Lê Văn T**, sinh năm 1969. (có mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: ấp T, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 22/6/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hà Thị Bích T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Văn T thành hôn vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 12/8/2002. Thời gian chung sống được 20 năm, lúc đầu sống có hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm sống và vợ chồng đã ly thân 02 năm nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Lê Văn T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Thị Tuyền L, sinh ngày 04/8/2002 hiện đã trưởng thành, không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng, chị không yêu cầu Toà án giải quyết. Đối với cháu Lê Tấn L, sinh ngày 24/7/2014 hiện đang sống chung với chị. Chị yêu cầu được nuôi cháu L, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 28/7/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Giữa anh và chị T có đăng ký kết hôn vào ngày 12/8/2002 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian chung sống được 20 năm. Trong thời gian chung sống lúc đầu có hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm sống, bất đồng ý kiến trong làm ăn kinh tế lẫn trong đời sống và vợ chồng đã ly thân hơn 02 năm nay. Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý.

- Về con chung Có 02 con chung tên Lê Thị Tuyền L, sinh ngày 04/8/2002 hiện đã trưởng thành, không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng, anh không yêu cầu Toà án giải quyết. Đối với cháu Lê Tấn L, sinh ngày 24/7/2014 hiện đang sống chung với chị T. Anh yêu cầu được nuôi cháu L, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Về trình tự, thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn không tham gia đầy đủ theo giấy triệu tập của Toà án là chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị Bích T, cụ thể như sau: Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn chị Hà Thị Bích T và bị đơn anh Lê Văn T; Về con chung: Giao cháu Lê Tấn L, sinh ngày 24/7/2014 cho chị Hà Thị Bích T tiếp tục nuôi dưỡng, anh Lê Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; Về quan hệ tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét; Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Hà Thị Bích T nộp 75.000đ (*Bảy mươi lăm ngàn đồng*), khấu trừ số tiền chị T đã

nộp tạm ứng trước 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*), còn lại 225.000đ (*Hai trăm hai mươi lăm ngàn đồng*) trả lại cho chị T, buộc anh Lê Văn T phải nộp 75.000đ (*Bảy mươi lăm ngàn đồng*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Hà Thị Bích T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long giải quyết ly hôn và nuôi con chung với anh Lê Văn T cư trú tại ấp T, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Hà Thị Bích T và anh Lê Văn T thành hôn có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn số 71 vào ngày 12/8/2002 nên xem quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T là hợp pháp.

Xét trong quá trình chung sống vợ chồng giữa chị T và anh T thời gian đầu sống rất hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm sống và vợ chồng ly thân 02 năm nay không hàn gắn lại được. Tại biên bản hoà giải cũng như tại phiên toà giữa chị T và anh T đã thống nhất thuận tình ly hôn. Nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn chị Hà Thị Bích T và bị đơn anh Lê Văn T là có cơ sở phù hợp Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung:

Xét thấy con chung tên Lê Thị Tuyên L, sinh ngày 04/8/2002 hiện đã trưởng thành, không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng. Chị T và anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với con chung tên Lê Tấn L, sinh ngày 24/7/2014 hiện đang sống trực tiếp với chị T, cuộc sống của cháu cũng đảm bảo và cháu có nguyện vọng muốn sống chung với chị T. Chị T yêu cầu được nuôi cháu L. Nên Hội đồng xét xử xét giao con chung tên Lê Tấn L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét việc anh T yêu cầu được nuôi cháu L vì cho rằng bản ý kiến không phải là của cháu L. Tuy nhiên Toà án có yêu cầu anh T cung cấp bản ý kiến nguyện vọng của cháu L nhưng anh T không cung cấp được và Toà án đã tiến hành lấy lời

khai của cháu L, cháu L trình bày nguyện vọng của cháu là muốn được tiếp tục sống chung với chị T. Mặt khác anh T cho rằng chị T không đảm bảo điều kiện để nuôi con nhưng chị T có nghề nghiệp và có thu nhập ổn định, đảm bảo điều kiện để nuôi con. Nên Hội đồng xét xử xét yêu cầu nuôi con của anh T là không có cơ sở chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Hà Thị Bích T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hà Thị Bích T và anh Lê Văn T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hà Thị Bích T và anh Lê Văn T mỗi người phải nộp 75.000đ (*Bảy mươi lăm ngàn đồng*) án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, khoản 7 Điều 26 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp theo quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, khoản 7 Điều 26 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hà Thị Bích T và anh Lê Văn T.

2. Về con chung:

Con chung tên Lê Thị T L, sinh ngày 04/8/2002 hiện đã trưởng thành, không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng. Chị T và anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Giao con chung tên Lê Tấn L, sinh ngày 24/7/2014 cho chị Hà Thị Bích T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lê Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hà Thị Bích T và anh Lê Văn T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Hà Thị Bích T phải nộp 75.000đ (*Bảy mươi lăm ngàn đồng*) án phí ly hôn. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) chị T đã nộp theo biên lai thu số 0014659 ngày 22/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn. Hoàn trả lại chị T số tiền chênh lệch là 225.000đ (*Hai trăm hai mươi lăm ngàn đồng*).

Buộc anh Lê Văn T phải nộp 75.000đ (*Bảy mươi lăm ngàn đồng*) án phí ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- THADS huyện Trà Ôn;
- UBND xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (Giấy chứng nhận kết hôn số 71 ngày 12/8/2002);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Thúy An